

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

*Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023*



Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần HTC Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25/05/2021 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 14 ngày 18/01/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.500.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023: 60.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại số 4 tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã "CET".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chung cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);

-

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2023 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 02/08/2023, Công ty cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15, thay đổi Đại diện pháp luật từ Ông Tạ Tiên Dũng thành ông Đỗ Văn Đạt, ông Trần Hoàng Anh Tuấn và ông Nguyễn Quốc Phương.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện Pháp luật trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Đỗ Văn Đạt	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Nguyễn Quốc Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Lê Hoàng Đài Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Hà Lê Thúy Vy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Lê Hoàng Đài Trang	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Nguyễn Thành Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Tạ Tiến Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Lê Hoàng Đài Trang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Trần Thị Thảo Trang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Tạ Tiến Dũng	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Phạm Lê Hải Châu	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Lê Văn Thắng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Nguyễn Thu Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Trịnh Quyết Tiến	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Vi Thùy Trang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Chử Lương Huân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Phan Thị Nhung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)

Đại diện pháp luật

Ông	Tạ Tiến Dũng	(Miễn nhiệm ngày 02/08/2023)
Ông	Đỗ Văn Đạt	(Bổ nhiệm ngày 02/08/2023)
Ông	Trần Hoàng Anh Tuấn	(Bổ nhiệm ngày 02/08/2023)
Ông	Nguyễn Quốc Phương	(Bổ nhiệm ngày 02/08/2023)

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

501
CÔNG
TN
H VU
HINH
KIEN
PHIA
T.P

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Tổng Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

Số: 613 /BCSX/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần HTC Holding

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 kèm theo của Công ty Cổ phần HTC Holding, được lập ngày 02/08/2023, từ trang 08 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần HTC Holding tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 30 tháng 03 năm 2023 với ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0649-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.271.490.322	10.486.596.443
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	8.102.723.922	309.801.432
1. Tiền	111		8.102.723.922	309.801.432
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.156.580.000	10.170.908.611
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.155.880.000	369.500.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	700.000	8.415.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	-	1.385.908.611
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.186.400	5.886.400
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.186.400	5.886.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.600.000.000	64.600.000.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	64.600.000.000	64.600.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.600.000.000	64.600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		73.871.490.322	75.086.596.443



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.438.356.160	7.857.918.113
I. Nợ ngắn hạn	310		6.438.356.160	7.857.918.113
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.06	5.552.900.000	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.07	-	6.991.320.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	334.088.659	315.230.612
4. Phải trả người lao động	314		105.000.000	105.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		446.367.501	446.367.501
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.433.134.162	67.228.678.330
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	67.433.134.162	67.228.678.330
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.500.000.000	60.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.500.000.000	60.500.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		446.367.502	446.367.502
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		6.486.766.660	6.282.310.828
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.282.310.828	5.289.543.642
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		204.455.832	992.767.186
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		73.871.490.322	75.086.596.443

Người lập biểu

Phạm Lê Hải Châu

Kế toán trưởng

Phạm Lê Hải Châu

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	36.219.700.000	37.836.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		36.219.700.000	37.836.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	35.766.600.000	37.174.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		453.100.000	662.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	104.450	103.191
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	64.970	39.894
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	194.055.000	290.788.323
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		259.084.480	371.274.974
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	-	8.072.859
13. Lợi nhuận khác	40		-	(8.072.859)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		259.084.480	363.202.115
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	54.628.648	74.262.974
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		204.455.832	288.939.141
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	34	48
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	34	48

Người lập biểu



Phạm Lê Hải Châu

Kế toán trưởng



Phạm Lê Hải Châu

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		259.084.480	363.202.115
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		64.970	39.894
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(104.450)	(103.191)
- Chi phí lãi vay	06			
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		259.045.000	363.138.818
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		9.008.028.611	43.465.343.120
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.438.420.000)	(1.900.487.603)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.770.601)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.792.883.010	41.927.994.335
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(42.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		104.450	103.191
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		104.450	(41.999.896.809)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7.792.987.460	(71.902.474)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		309.801.432	258.140.914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(64.970)	(39.849)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	8.102.723.922	186.198.591

Người lập biểu



Phạm Lê Hải Châu

Kế toán trưởng



Phạm Lê Hải Châu

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



CÔNG TY
CỔ PHẦN
HTC HOLDING
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Quốc Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiên thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25/05/2021 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 14 ngày 18/01/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.500.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023: 60.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại số 4 tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã "CET".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
-

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:
Không có.

6. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có 03 nhân viên (tại ngày 01/01/2023 là 03 nhân viên)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

13. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng Quản trị độc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30/06/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
- Tiền mặt	8.094.451.055	300.013.045
- Tiền gửi ngân hàng	8.272.867	9.788.387
Cộng	8.102.723.922	309.801.432

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 30/06/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
a. Ngắn hạn	1.155.880.000	369.500.000
Công ty TNHH Herbal Organic Việt Nam	-	45.000.000
Công ty TNHH Chế biến nông sản miền Tây	324.500.000	324.500.000
Công ty TNHH Thương mại Đông Xuyên	831.380.000	-
b. Dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 30/06/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
a. Ngắn hạn	700.000	8.415.500.000
Công ty Cổ phần GAVI*	-	8.367.700.000
Các đối tượng khác	700.000	47.800.000
b. Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	64.600.000.000	-	-	64.600.000.000
+ Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
+ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
+ Đầu tư vào các đơn vị khác	64.600.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park (1)	49.000.000.000	-	-	64.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding (2)	15.600.000.000	-	-	49.000.000.000
				15.600.000.000
Cộng	64.600.000.000	-	-	64.600.000.000

Ghi chú:

(1) Công ty Cổ phần HTC Holding đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park, tỷ lệ vốn góp 16,33%. Tại ngày 30/06/2023 và ngày 31/12/2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(2) Công ty Cổ phần HTC Holding đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding, tỷ lệ vốn góp 19,5%. Tại ngày 30/06/2023 và ngày 31/12/2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

5. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	-	-	1.385.908.611	-
- Tạm ứng	-	-	1.385.908.611	-
+ Tà Tiến Dũng	-	-	1.385.908.611	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	-	1.385.908.611	-

6. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	5.552.900.000	5.552.900.000	-	-
- Công ty Cổ phần Gavi	5.552.900.000	5.552.900.000	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.552.900.000	5.552.900.000	-	-

7. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	-	-	6.991.230.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Đông Xuyên	-	-	6.991.230.000	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	-	6.991.230.000	-

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2023	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Ngày 30/06/2023
a. Phải nộp	315.230.612	65.128.648	46.270.601	334.088.659
Thuế thu nhập cá nhân	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	304.730.612	54.628.648	35.770.601	323.588.659
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
b. Phải thu	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	60.500.000.000	446.367.502	5.289.543.642	66.235.911.144
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	288.939.141	288.939.141
Số dư tại ngày 30/06/2022	60.500.000.000	446.367.502	5.578.482.783	66.524.850.285
Số dư tại ngày 01/01/2023	60.500.000.000	446.367.502	6.282.310.828	67.228.678.330
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	204.455.832	204.455.832
Số dư tại ngày 30/06/2023	60.500.000.000	446.367.502	6.486.766.660	67.433.134.162

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Ngày 30/06/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
- Vốn nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	60.500.000.000	60.500.000.000
Cộng	60.500.000.000	60.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	60.500.000.000	60.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	60.500.000.000	60.500.000.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	-	-

d. Cổ phiếu

	<i>Ngày 30/06/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.050.000	6.050.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.050.000	6.050.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.050.000	6.050.000

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	446.367.502	446.367.502
-------------------------	-------------	-------------

10. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 30/06/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	63,25	63,25
- EUR	50,80	50,80

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
a. Tổng doanh thu	36.219.700.000	37.836.000.000
- Doanh thu bán hàng	36.219.700.000	37.836.000.000
b. Doanh thu đối với các bên liên quan		

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Giá vốn hàng hóa đã bán	35.766.600.000	37.174.000.000
Cộng	35.766.600.000	37.174.000.000

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	104.450	103.191
Cộng	104.450	103.191

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	64.970	39.894
Cộng	64.970	39.894

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	-
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	194.055.000	290.788.323
- Chi phí nhân viên quản lý	105.000.000	210.000.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	2.863.636
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	9.644.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.000.000	68.280.687
- Chi phí bằng tiền khác	1.055.000	-

6. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Phạt vi phạm hành chính	-	8.072.859
Cộng	-	8.072.859

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- Chi phí nhân công	105.000.000	210.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.000.000	68.280.678
- Chi phí bằng tiền khác	4.055.000	12.507.636
Cộng	194.055.000	290.788.314

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	259.084.480	363.202.115
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	14.058.760	8.027.859
+ Các khoản điều chỉnh tăng	14.058.760	8.027.859
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	273.143.240	371.229.974
- Tổng thu nhập tính thuế	273.143.240	371.229.974
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	54.628.648	74.245.995
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	54.628.648	74.245.995

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	204.455.832 6.050.000	288.939.141 6.050.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	48

10. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	204.455.832 6.050.000	288.939.141 6.050.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	48

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

- Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không phát sinh.
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ: Không phát sinh.
- Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ: Không phát sinh.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding	Đầu tư khác
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

	<u>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</u>	<u>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</u>
Thu hồi tiền tạm ứng Tạ Tiến Dũng	1.385.908.611	1.615.986.300

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Số tiền</u>
Tạ Tiến Dũng	Giám đốc	45.000.000
Lê Văn Thắng	Kế toán trưởng	45.000.000
Cộng		90.000.000

d. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
Phải thu khác về tạm ứng Tạ Tiến Dũng	-	1.385.908.611

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh xây dựng, thương mại chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Hoạt động thương mại là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động thương mại là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 02/08/2023, Công ty cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15, thay đổi Đại diện pháp luật từ Ông Tạ Tiến Dũng thành ông Đỗ Văn Đạt, ông Trần Hoàng Anh Tuấn và ông Nguyễn Quốc Phương.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh.

Số liệu chi tiết đầu kỳ của một số chỉ tiêu trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính có thể được trình bày và phân loại lại số dư để phù hợp với số liệu so sánh đến cuối kỳ theo quy định tại Chuẩn mực kế toán VAS 21.

Người lập biểu



Phạm Lê Hải Châu

Kế toán trưởng



Phạm Lê Hải Châu

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

